



SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG ANH

Hà nội, ngày 4 tháng 10 năm 2022

1.MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN



Cung cấp những thông tin về tiến bộ của HS trong học tập



Nắm bắt được điểm mạnh và hạn chế của HS trong suốt quá trình học



Có cơ sở để kịp thời hỗ trợ, khuyến khích HS học hiệu quả hơn



Kịp thời điều chỉnh phương pháp, kỹ thuật, tài liệu giảng dạy

2. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

- Thông qua nhiều hình thức đánh giá khác nhau để có thông tin toàn diện về mức độ phát triển kiến thức - kĩ năng của HS
- Cần được thực hiện liên tục và thường xuyên
- Hoạt động đánh giá chủ yếu để khuyến khích và tạo tự tin cho học sinh, không nhằm phân loại, không gây áp lực;
- Gắn liền với nội dung dạy học
- Quan tâm đến từng học sinh cụ thể, nhấn mạnh vào những điều học sinh CÓ THỂ làm được;
- Yêu cầu ĐG cần đơn giản, cụ thể

2. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYỀN

- Phản hồi của kết quả đánh giá cần được cung cấp **kịp thời, rõ ràng, cụ thể** cho HS
- GV chủ yếu sử dụng hình thức phản hồi nhận xét bằng lời ngay tại chỗ với HS.
- Không dùng điểm số để đánh giá thường xuyên
- GV sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh và cải thiện hoạt động dạy-học,

3. CÁC KỸ THUẬT ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

 Observing (Quan sát)

 Project (Dự án)

 Game (Trò chơi)

 Portfolio (Hồ sơ học tập)

 Q-A (Hỏi đáp)

 Test (Bài kiểm tra ngắn)

 Self assessment (Tự đánh giá)



4. SELF ASSESSMENT (TỰ ĐÁNH GIÁ)

- GV tạo các biểu mẫu để HS tự đánh giá mình hoặc tham gia đánh giá bạn, nhóm bạn.
- Các biểu mẫu có thể đơn giản ở dạng tô màu, tick vào ô tương ứng, viết từ đơn giản hoặc viết câu...



PROJECT (DỰ ÁN)

- Các dự án nhỏ và đơn giản
- Khai thác tính sáng tạo, cá nhân hoá việc học, khai thác tối đa kiến thức về từ vựng và khả năng sử dụng ngôn ngữ.
- Dự án tích hợp rất nhiều nội dung cần đánh giá mà HS thực hiện cũng rất tự nhiên, thú vị.



TEST (BÀI KIỂM TRA NGẮN)

- Bài kiểm tra ngắn (từ 5-7 phút)
- Cần lưu ý: cân bằng giữa các nội dung /nhiệm vụ đánh giá khả năng trí nhớ (ví dụ về từ vựng, phát âm, nghĩa, cấu trúc ngữ pháp) và nội dung /nhiệm vụ đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ
- Khi có thể, nên tăng tối đa số lượng nhiệm vụ đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ và giảm tối thiểu nội dung / nhiệm vụ chỉ đánh giá khả năng ghi nhớ ngôn ngữ.
- Không nên dùng quá 5 bài kiểm tra ngắn/học kỳ.

❖ Hướng dẫn thực hiện đánh giá định kỳ môn Tiếng Anh

1. Nguyên tắc của đánh giá định kỳ môn Tiếng Anh

- Đánh giá đủ 4 kĩ năng (Nghe, Nói, Đọc và Viết).
- Nghe, Đọc, Viết không quá 35p, không để thang điểm 10.
- Kĩ năng Nói tổ chức thi riêng hoặc linh hoạt sử dụng kết quả luyện nói trong quá trình đánh giá thường xuyên có bổ sung thêm các yêu cầu kiểm tra (nếu cần).
- Bài kiểm tra được thiết kế cho lớp 3 theo 3 mức độ nhận thức theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.
- Bài kiểm tra được thiết kế cho lớp 4 và 5 theo 4 mức độ nhận thức theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT.
- Giáo viên chủ động lựa chọn nhiệm vụ đánh giá và số lượng câu hỏi phù hợp với kiến thức kỹ năng cần đánh giá.

- 
- **Lớp 1, 2:** Tập trung chủ yếu vào đánh giá kỹ năng Nghe và Nói, bài làm trong vòng 20 – 30 phút.
 - **Lớp 3:** Tập trung vào kỹ năng Nghe và Nói (**khoảng** 40% Nghe, 20% Nói và 40% Đọc – Viết).
 - **Lớp 4:** **Giảm** tỷ lệ Nghe, **tăng** tỷ lệ Đọc, Viết.
 - **Lớp 5:** Tỷ lệ Nghe, Nói, Đọc và Viết **ngang bằng nhau** (25% cho mỗi kỹ năng).

Lưu ý:

- Học sinh lớp 4, 5 học dưới 4 tiết/tuần **không** dùng chung đề kiểm tra với học sinh lớp 4, 5 học đủ 4 tiết/tuần.
- Đề kiểm tra lớp 5 HK 2 có thể sử dụng định dạng bậc 1 (theo QĐ 1479/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2016).

2. Cách thức lựa chọn nhiệm vụ đánh giá

- Giáo viên chủ động lựa chọn nhiệm vụ đánh giá (loại hình bài tập) và số lượng câu hỏi phù hợp với kiến thức kỹ năng cần đánh giá.
- + Nên sử dụng 2 - 4 nhiệm vụ đánh giá/kĩ năng. (Có ví dụ cho từng nhiệm vụ đánh giá)
- + 2 - 5 câu hỏi/ nhiệm vụ đánh giá.
- + **Không quá** 40 câu hỏi/bài kiểm tra.
- Cần ưu tiên các nhiệm vụ đánh giá ở mức độ nhận thức 2, 3 và 4.
- Nhiệm vụ đánh giá phải đơn giản, quen thuộc.

Các nhiệm vụ đánh giá cho kĩ năng nghe

1. Listen and colour.
2. Listen and match.
3. Listen and tick/ circle A, B or C.
4. Listen and tick the picture.
5. Listen and tick right or wrong/ True or False.
6. Listen and tick the correct answer.
7. Listen and number.
8. Listen and complete.

Các nhiệm vụ đánh giá cho kĩ năng đọc

1. Read and colour.
2. Match descriptions with words.
3. Match pictures with words.
4. True or False/ Yes or No.
5. Read and tick/circle A, B or C.
6. Reorder.
7. Gap fill.



Các nhiệm vụ đánh giá cho kĩ năng viết

1. Write correct words with pictorial hints.
 2. Order the letters to make a complete word.
 3. Order the words to make a complete sentence.
 4. Write a (n) letter/ invitation/ text/ message/ postcard.
- 

Các nhiệm vụ đánh giá cho kĩ năng nói

1. Look and say.
2. Respond to physical prompts.
3. Get to know each other.
4. Talk about a familiar object.
5. Describe a picture.
6. Talk about familiar topics.

3. Các mức độ trong câu hỏi đánh giá

- Có những loại hình bài tập không có đầy đủ cả 4 mức độ nhận thức.
- Trong cùng một nhiệm vụ đánh giá, các câu hỏi có thể có các mức độ nhận thức khác nhau để đánh giá được HS hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ nào.
- Cùng một đối tượng ngôn ngữ cần đánh giá, GV có thể nâng mức độ khó tùy thuộc vào trình độ học sinh.

Bảng phân chia mức độ thực hiện các kỹ năng và ví dụ minh họa

Mức/KN	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
NGHE	Nghe nhận biết được từ, cụm từ, câu đơn giản. VD: Listen and tick. Nghe từ <i>window</i> và tick vào đúng chữ vừa nghe trong các phương án đưa ra: <i>door, window, table.</i>	Nghe hiểu được từ, cụm từ, câu, hội thoại đơn giản. VD: Listen and choose. Nghe câu hỏi và trả lời ngắn: <i>Who is this? It's my sister.</i> và chọn 1 trong 4 bức tranh tương ứng: con mèo, chàng trai, cô gái, bông hoa.	Nghe hiểu câu hỏi, đoạn hội thoại, văn bản ngắn và xử lý thông tin yêu cầu có vận dụng kiến thức kỹ năng của bản thân ở một tình huống tương tự với tình huống đã học. VD: Listen and choose. Nghe câu hỏi <i>What do you have for your dinner?</i> Và chọn 1 trong 3 câu trả lời: <i>rice and fish; We go to a restaurant; I like swimming.</i>	Nghe hiểu đoạn hội thoại, mô tả...và xử lý các thông tin ở mức độ khó và linh hoạt hơn như trả lời câu hỏi, tìm tranh có nhiều chi tiết giống nhau... - VD: Listen and tick. Nghe đoạn hội thoại: <i>I can't see Mary. So many people here. – Ah..could you see a girl in black jeans and pink ...oh no, red blouse? – Has she got long hair? – Yes, she's pretty. You see.</i> HS chọn giữa 4 bức tranh trong đó các nhân vật nữa mặc đồ rất giống nhau, có người mặc áo cánh hồng, áo đỏ..để gây nhiễu, buộc HS xử lý thông tin nhiều.

Bảng phân chia mức độ thực hiện các kỹ năng và ví dụ minh họa

Mức/KN	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
ĐỌC	Đọc và nhận biết, nhắc lại được nội dung, thông tin của bài đọc. - VD: Read and choose. HS đọc đoạn văn bản ngắn trong đó có câu <i>he doesn't like ice cream</i> và chọn câu trả lời cho câu hỏi: <i>Does he like ice cream?</i> A. Yes, he does. B. No, he doesn't.	Đọc hiểu và trình bày, giải thích được thông tin trong bài đọc. -VD: Read and choose: <i>I am round. I help you to keep away from the rain and the sun.</i> HS chọn 1 trong 4 bức tranh tương ứng với câu vừa đọc: Cái ô, đồng hồ, quả táo, mặt trời	Đọc hiểu và xử dụng thông tin bài đọc và kiến thức có sẵn để giải quyết vấn đề. - VD: Read and fill in the blank. HS phải đọc hiểu và điền các từ còn thiếu vào chỗ trống (có thể hỗ trợ bằng việc cho trước một số từ hoặc gợi ý bằng tranh)	Đọc hiểu và vận dụng thông tin bài đọc và kiến thức có sẵn để giải quyết vấn đề hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý ở mức độ khó hơn. -VD: Read and choose: <i>Micheal comes to the birthday party but nobody talks to him. There are many cup cakes that he likes but John doesn't want them. He stays for a while then he walks home because he is not happy.</i> Why does John leave the party? A. Because he eats many cup cakes. B. Because he stays for a while then he walks home. C. Because he feels sad when he talks to nobody.

Bảng phân chia mức độ thực hiện các kỹ năng và ví dụ minh họa

Mức/KN	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
VIẾT	Viết lại được các từ đơn lẻ, câu đơn giản đã học có gợi ý. - VD: Fill in the blank h_t 	Viết trình bày lại kiến thức đã học theo cách hiểu của cá nhân (có gợi ý). - VD: Fill in the blank: Today is Jame's ... birthday. 	Sử dụng kiến thức đã học để viết câu hoặc đoạn văn bản (có gợi ý) - VD: Complete the sentence using given words. Mark/like/go fishing/weekend/father	Sử dụng kiến thức đã học để viết về các chủ đề quen thuộc. - VD: Write a letter of about 30- 35 words to your friend telling him/her about your house. You may use: + Is your house big/small? + What colour is it? + How many rooms are there? What are they?...

Bảng phân chia mức độ thực hiện các kỹ năng và ví dụ minh họa

Mức/KN	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
NÓI	Nói tên được vật ở mức độ từ đơn lẻ hoặc câu rất đơn giản. - VD: Giáo viên giơ thẻ màu sắc/con vật... và học sinh nói tên các màu/con vật.	Trả lời các câu hỏi đơn lẻ rất đơn giản có một phương án trả lời; - VD: + <i>How are you today?</i> + <i>What's your mother name?</i>	Trả lời các câu hỏi về tình huống thật nhưng tương tự với tình huống đã học; mô tả tranh có gợi ý... - VD: Describe the picture, you may use: + <i>Who are the people?</i> + <i>What are they doing?...</i> 	Trình bày một bài nói ngắn về tình huống thực có liên quan đến chủ đề đã học nhưng không có gợi ý; trả lời các câu hỏi đòi hỏi tư duy, tranh luận, phản biện... - VD: <i>Tell me about your class? What subject do you like best? Why?</i>

Các bước xây dựng ma trận đề Kiểm Tra

Bước 1: Liệt kê các chủ đề, cấu trúc và từ vựng cần kiểm tra.

Bước 2: Liệt kê các kỹ năng cần đánh giá, phân chia kiến thức ngôn ngữ cần đánh giá vào các kỹ năng và các chuẩn cần đánh giá KTKN ở mỗi mức độ nhận thức.

Bước 3: Lựa chọn các nhiệm vụ đánh giá, phân chia kiến thức ngôn ngữ vào các nhiệm vụ đánh giá, số câu, tỷ lệ mức độ nhận thức, số điểm.

Bước 4: Rà soát lại ma trận đề.

Khung ma trận đề kiểm tra môn Tiếng Anh

Kỹ năng	Nhiệm vụ đánh giá / Kiến thức cần đánh giá	Mức/ Số câu, số điểm				Tổng số câu, số điểm, tỷ lệ %
		M1	M2	M3	M4	
Nghe	Liệt kê các nhiệm vụ và kiến thức cần kiểm tra	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm Tỉ lệ %
Đọc	Liệt kê các nhiệm vụ và kiến thức cần kiểm tra	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm Tỉ lệ %
Viết	Liệt kê các nhiệm vụ và kiến thức cần kiểm tra	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm Tỉ lệ %
Nói	Liệt kê các nhiệm vụ và kiến thức cần kiểm tra	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm Tỉ lệ %
Tổng		Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm Tỉ lệ %